

SỰ TÁI SANH và KHOA HỌC

Sự tái sinh được đặt ở trọng tâm của hai tôn giáo lớn trên thế giới là Phật Giáo và Ấn Độ Giáo. Nếu không có sự Tái Sanh, sự tu tập trở thành vô nghĩa đối với 2 tôn giáo này. Trong Phật Giáo tu là để vượt thoát khỏi vòng sanh tử, luân hồi, mục đích tối hậu của PG; còn như trong Ấn Độ Giáo, tu là để trong sạch hóa cái Atman cá thể (linh hồn), để thể nhập vào Brahman (một Hữu Thể tuyệt đối, một Linh Thức tuyệt đối, một Hạnh phúc tuyệt đối), giống như ý niệm Thượng đế trong các tôn giáo độc thần. Nhưng không phải trong một đời, một kiếp mà có thể trong sạch hóa cái Atman được, do đó phải tái sinh để tu luyện.

Quan điểm về sự Tái sinh của các Tôn giáo và Triết học

Hiện tượng Tái sinh đã từng được nói đến từ 1500 năm trước Chúa Giáng sinh trong Thánh Thi Vệ Đà (phần Rigveda) của Bà La Môn giáo "Sự rời khỏi thân xác của linh hồn, sự cư ngụ trong những dạng thức khác của sự sống, rồi trở lại dạng thức con người, sự quyết định của cuộc sống tương lai tùy thuộc nguyên lý nghiệp báo, tất cả được ghi chép trong đó". Sau đó Đức Phật Thích Ca, 600 năm trước Thiên Chúa, lại thuyết giảng sự Tái sinh và Luân hồi trong Tạng Kinh của Phật giáo. Ở Hy Lạp người ta nghĩ rằng ý niệm chuyển di Tâm-thần, Pythagore và Platon được học từ Ai Cập và Ấn Độ.

Các triết gia Hy Lạp vào thế kỷ thứ I trước thiên chúa quan niệm rằng con người có 3 thành phần: vật thể, tâm thần (psychisme) và tâm thức (esprit). Khi chết thì phần tâm thần có thể chuyển di sang một người khác hoặc một con thú khác. Về sau phái Thông Thiên Học (Théosophie) chấp nhận lý thuyết này nhưng cho rằng phần tâm lý chỉ có thể di chuyển sang những dạng vật thể ngày càng cao hơn chứ không thoái hóa vào những con thú. Thuyết này gọi là **Tâm-thần chuyển-di** (*métempsychose*). Phật giáo thì cho rằng con người có thể tái sinh thành con thú tùy theo nghiệp quả tạo ra trước đó.

Phái Linh Thông (Spiritisme) tin tưởng rằng linh hồn của người chết là một thực thể có thật, tinh vi hơn vật chất có thể nhập vào người sống như "ông đồng, bà cốt" làm trung gian giữa 2 thế giới người sống và người chết để thông báo hay dạy dỗ điều gì. Quan điểm **nhập xác** (*réincarnation*) và những cuộc 'lên đồng' hay 'xây cơ' là thực hành chủ yếu của nhóm này. Ở Pháp có ông Allan Kardec là giáo chủ của môn phái này, chính ông đã phổ-thông-hóa danh từ réincarnation. Theo Phật giáo, danh từ này không chính xác vì nó không kể tới những chúng sinh không có thân xác như ma quỷ hay chư thiên.

Ý niệm về sự chuyển-di hay **chuyển-sinh linh hồn** (*transmigration*) chỉ định sự di chuyển của một linh hồn từ một thân thể này sang một thân thể khác cũng trái hẳn ý niệm tái sinh trong Phật giáo. Linh hồn thường được hiểu là một thực thể thiết yếu và trường tồn; trong khi Phật giáo quan niệm không có linh hồn và mọi vật, mọi hiện tượng đều vô thường biến đổi. Trong Phật giáo lúc tái sinh có sự thành lập một hợp thể tâm-vật-lý khác thay thế các hợp thể cũ do tác động của nghiệp lực quá khứ. Do đó chữ **Tái sinh** (*renaissance*) là thích hợp nhất với Phật giáo.

Cấu tạo của con người : Ngũ uẩn

Trước hết chúng ta thử tìm hiểu cấu tạo và sự vận hành của tám thân Ngũ-uẩn này.

1. Sắc pháp là cái chi?

Sắc pháp(*Rūpa*) là thành phần vật chất cấu tạo nên con người và vũ trụ. Triết học Phật giáo định nghĩa sắc uẩn theo những đặc tính sau đây:

a- Không nhân (*Ahetukam*): vì trong sắc pháp không có các nhân tương ưng: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si (nhân tương ưng là cội rễ, nguồn gốc của các pháp thiện hay bất thiện).

b- Có nhân duyên (*Sappaccayam*): vì sự hiện hữu của sắc pháp do nhân duyên trợ tạo. Nếu là sắc uẩn thì có 4 nhân duyên: nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực.

c- Có tính cách hữu vi (*Saṅkhataṃ*): được cấu tạo, được hợp thành do 4 yếu tố chính (đất, nước, gió, lửa) và nhiều yếu tố khác.

d- Có tính cách hiệp thể (*Lokiyam*): thuộc về thế gian, liên kết với thế gian, không có cái gọi là sắc xuất thế.

e- Thuộc về Dục giới (*Kamavacaram*) hoặc *Sắc giới* (*rūpadhatu*): vì nó nằm trong phạm vi của cõi Dục giới (đối với sắc uẩn) hoặc cõi Sắc giới.

f- Không có đối tượng (*Anārammaṇam*): bởi vì tự nó không thể tri giác đối tượng. Chính Sắc là đối tượng để cho tâm nhận biết.

g- Không thể bị loại trừ (*Appahatabbam*): vì Sắc pháp không bị tuân tụt loại trừ như các loại phiền não; ở đây không có nghĩa là sắc pháp không bị luật vô thường chi phối.

Vậy Tâm là chi?

2. Tâm (Citta) thường được định nghĩa là khả năng nhận biết một đối tượng hay là biết cảnh. Nhưng định nghĩa như thế chỉ nói lên được một khía cạnh của tâm thôi, do đó chúng tôi xin đề nghị một định nghĩa tổng

quát hơn: **Tâm là thành phần tinh thần cấu tạo nên con người được qui định bởi 4 yếu tố:**

2a- Tâm trạng (thọ) : là hình thức biểu hiện của Tâm xuyên qua 5 trạng thái: vui, sướng, buồn, đau và thản nhiên (hỉ, lạc, ưu, khổ, xả). Không có Tâm nào mà không biểu hiện qua một trong năm cảm thọ nói trên.

2b- Tâm tưởng: là khả năng ghi nhớ, hồi tưởng, hình dung những sự vật, hay khái niệm mà mình đã kinh nghiệm biết qua.

2c- Tâm hành: là khả năng hành xử của Tâm hay thái độ của nó trước một đối tượng tùy theo tính cách thụ động (quả), chủ động (nghiệp), hoặc tự động (duy tác). Thụ động thì không tạo nghiệp, chỉ chịu nhận kết quả tốt hay xấu. Chủ động thì tạo nghiệp có thể thiện hay bất thiện. Còn tự động thì ứng xử một cách máy móc tự nhiên, không thiện, không ác, không tạo nghiệp gì cả. Đây là tâm của các bậc Alahán và chư Phật.

2d- Tâm thức: là khả năng nhận biết, ghi nhận, ý thức, nắm bắt một đối tượng khi nó lọt vào một trong sáu cửa: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Do đó, có nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Không có đối tượng thì không có thức nhận biết.

Như vậy, trước một đối tượng ghi nhận được (tâm thức), tùy theo khả năng hành xử (tâm hành), tâm sẽ biểu hiện dưới một trạng thái vui, buồn, sướng, khổ hay thản nhiên (tâm trạng) và đồng thời tạo nghiệp hay không và nghiệp này được ghi nhớ (tâm tưởng) trong dòng trôi chảy của tâm.

Trong văn học Pāli, 3 chữ Tâm (citta), Ý (mano), và Thức (viññāṇa) gần như đồng nghĩa với nhau, tùy theo hoàn cảnh mà được dùng khác nhau, nhưng không ra ngoài 4 khía cạnh nói trên.

Sắc pháp tuân theo những định luật của nó, nói chung là những định luật vật lý và hoá học. Danh pháp (tâm) cũng tuân theo những định luật của nó, những định luật Tâm Não. Nhưng khi cả hai cùng hiện hữu trong một hợp-thể tâm-vật-lý thì chúng tương tác qua lại.

Tâm diễn biến, sanh diệt theo một diễn trình (lộ trình) bao gồm nhiều sát-na tâm

Sát-na tâm là đơn vị thời gian ngắn nhất mà một loại tâm có thể chiếm hữu trong tiến trình sanh diệt của nó. Danh từ này bao hàm hai ý niệm thời gian và tâm, nên được gọi là sát-na-tâm. Có sách gọi là chấp tư tưởng. Diễn trình này xảy ra theo một trật tự thứ lớp nhất định khi có một đối tượng xuất hiện từ bên ngoài, trước năm cửa của giác quan, hoặc xuất hiện trong nội tâm trước cửa ý, tùy theo thời khoảng sống: lúc thức, lúc ngủ, lúc chiêm bao, lúc nhập thiền hoặc lúc chết... **Một lộ trình tâm** như thế có

thể có từ 12 cho tới 17 chấp sát-na tâm liên tiếp. Nhiều lộ trình tiếp nối như thế sẽ cho chúng ta một chức năng của tâm não như tri giác, hồi tưởng, suy nghĩ. Ví dụ : Muốn tri giác (định danh) một đối tượng, phải trải qua ít nhất 5 lộ trình. Mỗi sát-na tâm trong lộ trình có một nhiệm vụ nhất định. Có tất cả 14 nhiệm vụ:

- (1) Tái sinh (*Paṭisandhi*): hay còn gọi tục sinh, kiết sinh thức.
- (2) Hộ kiếp (*Bhavaṅga*) hay hữu phần: tiềm thức.
- (3) Khán môn (*Āvajjana*): hướng tâm.
- (4)→(8) Năm thức (*Pañcaviññāṇa*): nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân-thức.
- (9) Tiếp thụ (*Sampaṭicchana*).
- (10) Quan sát (*santīrāṇa*): suy xét.
- (11) Phân đoán (*Votthapana*): xác định.
- (12) Đồng tốc (*Javana*): hay tốc hành, tác hành.
- (13) Thập di (*Tadārammāṇa*): hay Mót, Na cảnh, lưu chép.
- (14) Tử (*Cuti*).

Mười bốn nhiệm vụ trên diễn tiến theo một lộ trình được mô tả bởi Tâm lý học Phật giáo, chúng được xem như diễn trình của một **dòng vi-nhận-thức (micro-cognition)** trong đó chúng ta chỉ thực sự hiểu được 6 thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý-thức) và 7 tâm Đồng-tốc (là tâm chủ động tạo nghiệp). Tuy nhiên nhờ Tâm lý học Phật giáo và Tâm lý học hiện đại, chúng ta biết được những **khả năng và việc làm** của Tâm như sau:

- a)- Tiếp xúc và nhận biết các cảm giác: thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng.
- b)- Diễn dịch, mô tả và đánh giá các cảm giác: tri giác.
- c)- Ghi nhớ, hồi tưởng và tưởng tượng: Trí nhớ và liên tưởng.
- d)- Kiểm soát tư tưởng, lời nói và hành động: nhờ sự phối hợp làm việc của chú tâm, tỉnh giác, tinh cần, tác ý, ghê sợ và hổ thẹn tội lỗi.
- e)- Làm việc tự động không cần suy nghĩ: thói quen, phản xạ, bất chú.
- g)- Hành động qua 3 cách:
 - *Suy nghĩ: ý định, ý nghĩ, suy luận, ý chí, sáng tạo.
 - *Ngôn ngữ: diễn tả tư tưởng bằng lời nói, chữ viết và cử chỉ.
 - *Hành vi điều khiển các động tác để hoàn thành ý định.
- h)- Tập trung tư tưởng trên một đối tượng: định tâm.

i)- Phản quang tự kỷ: nhận diện được chính mình hoặc tư tưởng của mình. (người bệnh Alzheimer không làm được việc này).

k)- Buông xả, chuyển hướng tâm: tác ý, tha thứ.

l)- Khả năng tin tưởng, giao tiếp, cảm thông.

m)- Tâm có khả năng tạo ra sắc pháp (Tâm lý gia Mỹ Ekman đã phát hiện 60 nét mặt diễn tả sự sân hận)

Những khả năng và việc làm trên đây gần như bao gồm tất cả đời sống tâm lý của con người

Vũ trụ quan của Phật giáo

Vũ trụ quan (cosmogonie) của Phật giáo và Ấn Độ giáo không khác nhau mấy. Các nhà học giả tây phương cho rằng PG chép lại những gì đã có trong Ấn Độ giáo, nhưng trong nhiều bài kinh Đức Phật xác nhận những điều ngài nói không phải do ngài nghe từ các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác. Như trong bài kinh Thiên Sứ (Trung Bộ Kinh III, bài 130, Devadūta Sutta), Đức Phật nói: «với thiên nhân thanh tịnh, như lai thấy các chúng sanh chết đi, sinh lại, hạ liệt, cao sang, đẹp đẽ, xấu xí...tùy theo hạnh nghiệp của họ». Trong một bài kinh 'Phật thuyết như vậy', thuộc Tiểu bộ, Phàm III: «và này các tỳ kheo, vì rằng ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra nên ta tuyên bố rằng:ta đã thấy các chúng sanh, thân làm ác, lời nói ác, ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc thánh, có tà kiến,sau khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, đọa xứ, địa ngục». Trong những câu chuyện Tiền Thân (Jataka): bao gồm 547 câu chuyện tự thuật của Đức Phật về những tiền kiếp quá khứ của ngài: khi thì làm người, khi thì làm thú, làm chư thiên, thầy tu, vua quan, thương gia, kẻ trộm, sư tử, hổ rừng, chim kút, khi, rắn, khi thì ở địa ngục...Trong cuộc đời gần cuối cùng của chuỗi tái sanh, ngài là vua Vessantara, nổi tiếng vì hạnh bố thí, ngài cho hết những gì thiên hạ xin ngài: ngay cả vợ và 2 đứa con. Câu chuyện này đã làm gương cho hoàng đế A-Dục và nhiều vị vua Tích Lan, Thái Lan, Ai Lao, Khờ me trong nhiều thời đại.

Trong kinh sách có ghi lại **31 cõi sinh tồn** mà chúng sanh đi loanh quaoanh trong **vòng luân hồi**. Trong đó có 4 cõi khổ và 27 cõi thuận lợi.

Bốn cõi khổ từ thấp nhất (1) trở lên: Địa ngục(1), Thú vật(2), Ngạ quỷ(3), A-Tu-La (4)

Cõi người (5), Sáu cõi Trời Dục giới từ thấp lên cao (6) →(11)

Trong 11 **cõi Dục giới** này, chỉ có cõi người và cõi thú vật thì hiển hiện trước mắt người thường. Những cõi khác không thấy được nên có nhiều

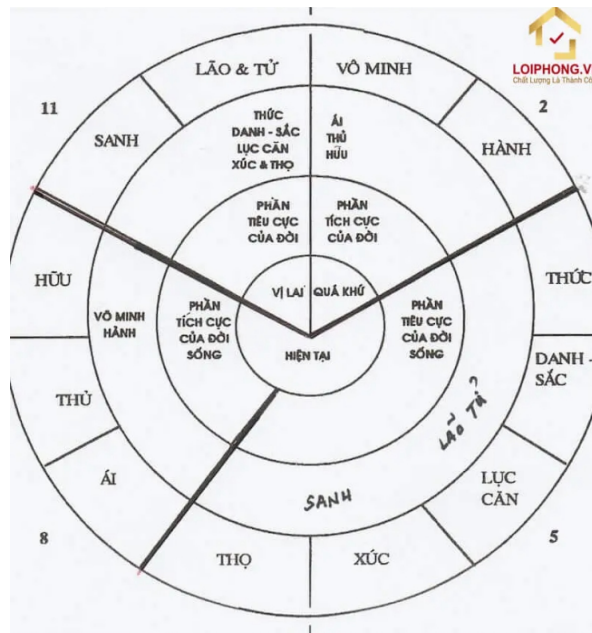
người không tin. Thực ra chỉ cần đắc Thiên Nhân Thông là có thể thấy được cõi chư thiên, ma quỷ và địa ngục. Trong ngoại đạo cũng có nhiều người đắc thần thông sau khi đã tu tập đến Tứ Thiên, nên họ cũng thấy được các cảnh ấy. Do đó trong tất cả các tôn giáo đều có nói đến chư thiên và địa ngục.

Cao hơn cõi Dục giới là những cõi Trời: có 16 **cõi Phạm thiên Sắc giới** và 4 **cõi Phạm thiên Vô Sắc giới**. Những cõi này dành cho những vị đắc các loại thiên Sắc giới và Vô Sắc giới mà lúc lâm chung vẫn giữ được các tâm Thiên. **Cõi** là nơi chúng sanh nương tựa để sanh lên và sinh sống, khác với **cảnh** là đối tượng mà Tâm có thể biết đến. Ví dụ: ở cõi người chúng ta có thể có 4 loại tâm biết được 4 loại cảnh: *Dục giới* là cảnh bình thường của đời sống con người qua 6 giác quan, *cảnh Sắc giới* và *Vô-sắc-giới* là cảnh của những người đã đắc thiên, *cảnh Siêu-thế* là cảnh của những vị đã chứng đắc các tầng thánh hay đã thấu rõ Niết Bàn. Cho nên Niết Bàn là cảnh chứ không phải là cõi.

Trong 31 cõi được diễn tả trong kinh Tạng chánh truyền không có cõi nào tương đương hay giống cõi Tịnh Độ của Phật A-Di-Đà, không biết các Tổ Tịnh Độ Tông căn cứ vào đâu để đặt ra cõi ấy.

Thuyết Duyên sinh và Duyên hệ

Tại sao con người cứ phải cuồn cuộn trôi theo dòng luân hồi, không bao giờ chấm dứt? Thân phận con người là một diễn trình vô thủy, vô chung, cho đến khi gặp được Phật pháp, thức tỉnh, cố gắng vượt thoát khỏi vòng sanh tử, tử sanh. **Thuyết Duyên sinh** (hay Thập nhị Nhân Duyên) là nguyên lý căn bản của PG giải thích cho ta hiểu rõ sự vận hành của con người trong vòng luân hồi do những điều kiện cần thiết nào, cái này làm duyên cho cái kia sanh lên tạo thành một chuỗi 12 nhân duyên liên hoàn tương tác lên nhau.



Trên sơ đồ thuyết Duyên sinh, ta thấy sự SINH xảy ra 2 lần:

-1 lần trong hiện tại ở khâu THỨC (Hành → Thức)

*Hành là *ngiệp* trong quá khứ và

*Thức là *thức Tái Sanh trong hiện tại*: có nghĩa là thai vừa đậu (œuf fécondé) trong bụng mẹ với sự gặp gỡ của 3 thành phần:

noãn bào của mẹ+ tinh trùng của cha+thức Tái Sanh

-1 lần trong vị lai ở khâu SANH (Hữu → Sanh)

*Hữu là *ngiệp* trong hiện tại và

*Sanh là sự tái sinh *trong vị lai*

Chữ Hữu có hai nghĩa: 1-*ngiệp hữu* là tiến trình nghiệp gây ra sự tái sinh / 2-*sinh hữu* là tiến trình xuất hiện và phát triển của sự sống trong ba cõi Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới.

Như vậy nguyên nhân của sự tái sinh là nghiệp và nguyên nhân của nghiệp là Vô minh và Thủ chấp. (Thủ chấp là bám víu vào dục lạc, tà kiến, những lễ nghi mê tín vô ích, và sự chấp ngã hay ngã-uẩn thủ).

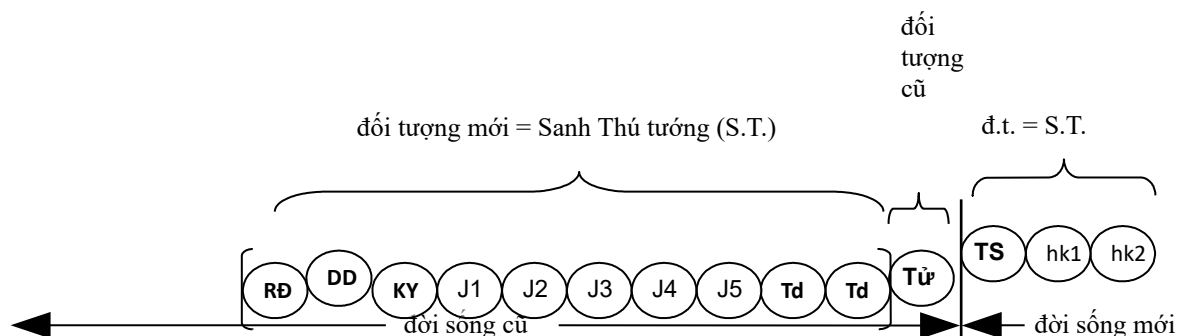
Vậy nghiệp là gì? Là một hành động có chủ tâm (cetana) thể hiện qua tư tưởng, lời nói hay việc làm và sẽ cho kết quả trở sanh ở kiếp hiện tại, kiếp kế tiếp hoặc các kiếp về sau, hoặc không cho kết quả gì cả tùy theo điều kiện nhân duyên.

Thức Tái sanh là chi? Là sát-na-tâm đầu tiên xuất hiện trong lộ trình tâm đầu tiên của chúng sanh vừa tái sanh, nó tiếp nối sát-na tâm Tử của chúng sanh vừa mất. Ta không biết được chúng sanh vừa tái sanh vào cõi

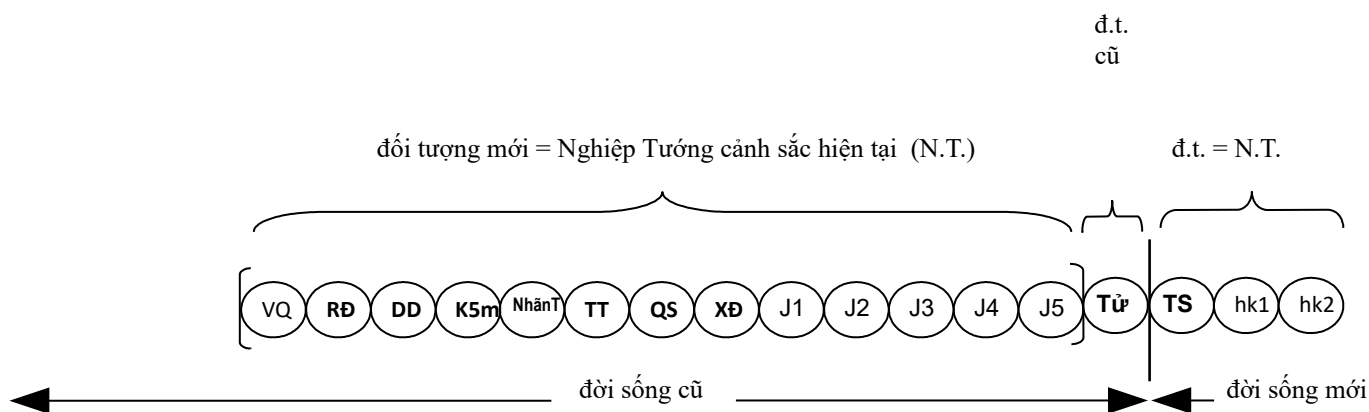
nào trong 31 cõi luân hồi, trừ Đức Phật và những vị đã đắc Thiên Nhân Minh. Vào thời Đức Phật nhiều vị chưa đắc thánh nhưng đã đắc Thiên Nhân Minh đều có thể biết được người chết sanh đi đâu.

Theo Tâm-lý-học Phật giáo trước khi chết người ta bắt được 1 ý tưởng nào đó qua ý môn, người đó **chết bằng lộ trình tâm "Ý Môn Cận Tử"** hoặc người ta bắt được 1 cảnh nào đó xuyên qua 5 giác quan, người đó **chết bằng lộ trình tâm "Ngũ Môn Cận Tử"** ;.

Lộ Tử ý môn /Tái-sinh-thí dụ đối tượng là cảnh sắp Tái sanh (S.T.)



Lộ Tử ngũ môn / Tái-sinh - thí dụ đối tượng là Nghiệp Tướng qua cảnh sắc hiện tại



Ký hiệu :

N = nghiệp *Kamma* / **NT** = nghiệp tướng *Kamma nimitta* / **ST** = sanh thú tướng (cảnh nơi tái sanh) *Gati nimitta*

TS = Tái Sinh / **hk** = hộ kiếp / **VQ** = hộ kiếp Vừa Qua / **RĐ** = hộ kiếp

Rúng Động / **DD** = hộ kiếp Dứt Dòng

K5m = Khán ngũ môn / **TT** = Tiếp Thâu / **QS** = Quan Sát / **XĐ** = Xác Định / **KY** = Khán Ý môn / **J1..J5** = Javana / **Td** = Thập di

Do đó trong PG nguyên thủy không có hiện tượng 'Thân Trung Âm 49 ngày' sau khi chết. Hơn nữa bác sĩ tâm-thần Pháp Jean-Pierre Schnetzler, trong quyển sách "De la mort à la vie" đã đưa ra công bố dựa trên sự nghiên cứu 616 trường hợp thuộc nhiều nước khác nhau và có nền tảng văn hóa khác nhau, của GS Mỹ Ian Stevenson, thì khoảng cách từ lúc chết cho tới tái sinh ở kiếp sau trung bình là 15 tháng/ khoảng cách dài nhất là 25 năm/ khoảng cách ngắn nhất là 6 tháng (với dân Druses ở Liban). Kết luận: không có trường hợp nào trùng với 49 ngày. Như vậy coi chừng sự khác biệt giữa thực tại và truyền thống nghi lễ. Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng thường nói là con số 49 không có căn cứ rõ ràng và chính xác, nó có thể dài hơn hoặc ngắn hơn vì thời gian của kiếp sống con người khác với thời gian của cõi âm hay của các cõi sống khác.

Ngoài Duyên-sinh tác động như *điều kiện cần* giữa nghiệp và tái sinh, còn có **những Duyên-hệ** tác động như những *điều kiện đủ*, chẳng hạn:

-thời gian: cùng có mặt của 3 yếu tố: noãn bào của mẹ (sự rụng trứng), tinh trùng của cha (sự giao hợp) và thức tái sinh của kẻ đi đầu thai. (được gọi là Đồng sanh duyên)

-ý chí: cha mẹ muốn có con hay không muốn có con, hoặc kẻ đi đầu thai muốn được sanh trở lại làm người để tiếp tục con đường tu tập như các vị Tulku Tây Tạng. (Trưởng duyên).

-năng lượng: trong sự đầu thai có *sự giao truyền năng lượng vừa vật chất và tinh thần và thông tin* giữa 2 kiếp sống trước và sau cái chết (Quyền duyên).vv...

Như trên chúng ta đã thấy sự Tái sinh tùy thuộc hoàn toàn vào nghiệp và chúng ta không biết nghiệp của mỗi chúng sinh dẫn dắt nó tái sinh vào cõi nào trong 31 cõi. Nhưng thời khoảng cận tử (gần chết) rất quan trọng cho việc tái sinh ở kiếp sau vì có nhiều hiện tượng xảy ra trong lúc này như người sắp chết có đau đớn vật-vả không? Hay êm thấm ra đi, có than khóc thảm thiết không?cận tử nghiệp có nặng không?có nghe thấy những hình ảnh hay tiếng nói gì? Có được hộ-tử không?[] *Bởi vì những trạng thái tâm lúc gần chết ảnh hưởng đến tiến trình tái sinh của người chết.*

Do đó nghiệp cũng được phân loại theo ưu thế cho quả lúc cận tử:

1/- **Trọng nghiệp:** là những hành động rất Thiện hoặc rất Ác trong cuộc sống. Rất thiện là người sắp chết có thể nhập thiên Sắc-giới, Vô-sắc-giới hay thiên Quán. Nếu rất ác là người đó đã phạm 5 trọng tội: giết cha, giết mẹ, giết Alahán, làm chảy máu Đức Phật (như Đề Bà Đạt Ta) và chia

rẽ Tăng già (ngũ nghịch đại tội)

2/- **Cận-tử nghiệp**: là những hành động, lời nói hay ý nghĩ cuối cùng trong giờ phút lâm chung. Như những cảm tử đeo bom để giết hại kẻ thù và tự sát luôn. Nghiệp này cũng có sức mạnh gần như trọng nghiệp và những hình ảnh của các trọng nghiệp sẽ xuất hiện trong tâm não của kẻ làm tội để dẫn dắt nó đi tái sanh.

3/- **Thường nghiệp**: những hành động mà ta thường làm trong đời sống sẽ được nhớ lại khi lâm chung như con dao, tiếng hét của con heo với người đồ tể hay tiếng nhạc, tiếng hát với người ca sĩ...

4/- **Tích trữ nghiệp**: là một nghiệp nào đó trong những kiếp quá khứ, không thuộc ba loại trên, nhưng vẫn còn đủ năng lực để trở quả khi hội đủ duyên.

Sự Chết và sự Sanh

Ngày nay khoa học định nghĩa cái Chết là:

- sự mất phản ứng của cơ thể khi bị kích thích,
- sự mất phản xạ của thân não (trunc cérébral),
- sự mất sinh hoạt điện não, điện-não-đồ trở nên bằng phẳng,

Theo Phật-giáo Chết là sự diệt tắt của *tuổi thọ* (āyū), của *năng lượng tinh thần* (jīvitindriya), *năng lượng vật chất* (usma), và *tâm-thức* (vinnāna). Giữa sự Chết và sự Tái sinh có sự giao truyền **năng lượng vật-chất, năng lượng tinh thần và thông tin** (ký ức) giữa **2 hợp thể Tâm-Vật-lý trước và sau cái chết**. Do đó có những đứa trẻ nhớ lại hết những kỷ niệm của kiếp sống quá khứ (thông tin) và sự bảo tồn năng lượng vẫn được tôn trọng đúng theo định luật vật-lý.

Theo Phật Giáo, con người có thể chết bằng một trong 4 cách sau đây

:

1- Chết vì hết tuổi thọ (āyū) : Mỗi loại chúng sinh, mỗi loại sinh vật có tuổi thọ riêng của chúng. Con người ở các thời đại khác nhau, ở các quốc độ khác nhau, có tuổi thọ trung bình khác nhau. Hiện tại (2025) tuổi thọ trung bình của người Pháp là 85 tuổi cho đàn bà và 79 tuổi cho đàn ông. Trước đây một trăm năm, tuổi thọ của họ không được như vậy. Tuổi thọ trung bình có thể là một biểu hiện của sự văn minh tiến bộ của một quốc gia. Trong Kinh Phật có đề cập tới tuổi thọ của con người ở từng thời đại của quả địa cầu, có khi thật dài, có khi thật ngắn.

2- Chết vì hết nghiệp (kamma) : Nghiệp ở đây muốn nói tới sinh nghiệp (janaka kamma, kamma générateur) của kiếp sống hiện tại ở một người bình thường, vì đối với vị A La Hán khi chết (nhập Niết Bàn) thì tất cả nghiệp của Ngài đều được đoạn diệt, sinh nghiệp hoàn toàn chấm dứt. Sinh nghiệp là năng lực có thể làm phát sinh và duy trì tâm và vật chất trong đời sống hiện tại, đồng thời lúc vừa chết có khả năng tái tạo một đời sống mới, nó là sức mạnh để đưa đi tái sinh. Đây là một định luật thiên nhiên, Đức Phật lúc còn tại Thế cũng không làm gì được trước sức mạnh của sinh nghiệp cho người khác hoặc cho chính Ngài. Mặc dù, theo truyền thuyết, những vị Chánh Đẳng Chánh Giác có khả năng kéo dài cuộc sống thêm một ít lâu, nhưng Đức Phật cũng không làm.

3- Chết vì hết tuổi thọ và hết nghiệp : Đây là sự trùng hợp của hai nguyên nhân ở trên. Đây cũng có thể nói về cái chết của các vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, Độc Giác hay các vị A La Hán khi hết tuổi thọ (ngài Ananda, ngài Đại Ca-Diếp chết lúc 120 tuổi).

4- Chết vì một Đoạn nghiệp (upaghataka kamma, K.destructeur) : Có những đoạn nghiệp cho quả làm cắt đứt thành linh dòng sinh nghiệp trước kỳ hạn của kiếp sống. Như cái chết của Đề Bà Đạt Đa, người em họ đã không ngừng hãm hại Đức Phật vì ganh tức và muốn tranh ngôi giáo chủ.

Đây cũng có thể là những cái chết bất đắc kỳ tử, chết yếu, chết do tự tử.

Con người loanh quanh đi về trong 31 cõi trên đây qua 4 cách sinh thành :

1- noãn sinh (những thú vật sinh ra từ trong trứng, như gà, vịt, chim, rắn...) ;

2- thai sinh (những sinh vật sinh ra từ trong bào thai, như con người hay những động vật có vú)

3- thấp sinh (những sinh vật sinh ra từ chỗ ẩm thấp, như những ký sinh trùng sống trong ruột chúng ta hay dưới đất, dưới lòng biển...) ;

4- hoá sinh (chư thiên và ngạ quỷ) nhờ không qua trung gian cha mẹ, không nằm trong thai bào, thoát một chốc đã hóa hiện, nên những vị này nhớ lại được kiếp trước dễ dàng.

Năng lượng tinh thần là cái chi?

Trong lúc sống, con người cần *năng lượng vật chất* để nuôi sống cái thân này, đồng thời cũng cần *năng lượng tinh thần* để nuôi sống phần tâm thức. Nếu năng lượng được định nghĩa là khả năng của một vật thể hay một hệ thống sản sinh ra được một công năng, thì ta có thể nói Tinh thần là năng lượng vì nó làm việc rất nhiều lúc thức cũng như lúc ngủ. Năng lượng tinh thần làm cho Tâm sống và tồn tại. Tâm lý học Phật giáo có nói tới yếu tố tâm-mạng-căn (énergie mentale), không có nó Tâm không thể nào tồn tại.

Khoa học ngày nay chưa hiểu rõ lắm năng lượng tinh thần phi vật chất này, nhưng từ từ đã có những nhà khoa học tiên bộ không bằng lòng với bức tường ngăn cách giữa vật chất và tinh thần, vì họ thấy rằng những năng lượng vật lý thuần túy không giải thích được tất cả những hiện tượng trong cuộc sống con người, nhất là những hiện tượng tâm linh, phi vật chất, hoặc những hiện tượng mà giác quan con người không cảm nhận được (hiện tượng ngoại cảm giác (extrasensoriel), hoặc loại tâm thức ngoại thần kinh (conscience extraneuronale).

Từ thập niên 2000, giáo sư Konstantin Meyl, nhà vật-lý ở đại học Stuttgart, Đức, chuyên nghiên cứu các vật-lý-trường xoáy ốc (physicien des champs des Vortex) đã chế tạo được máy phát sóng vô hướng scalaire (SWD: scalar wave device) để điều trị bệnh tật không cần thuốc men cùng cộng sự viên là bác sĩ Hervé Ianecek, BS thú-y và sinh-học-gia người Pháp, công nhận rằng « *các sóng tinh thần do não bộ phát ra hay thu nhận có đặc tính của các sóng vô hướng* » (*ondes scalaires*)

Các nhà khoa học đã công nhận “ở bề sâu của vật chất có **năng lượng**, ở bề sâu của năng lượng có **hệ thống tín hiệu** (information structurée), ở bề sâu của tín hiệu có **tâm thức**” (Dr Xavier Emanuelli). *Ba yếu tố năng lượng, hệ thống tín hiệu và tâm thức có sự cộng hưởng với nhau.*

Như vậy, vật chất và tinh thần có chung một bản thể. Một số nhà khoa học đi xa hơn nữa và đặt vấn đề : “Vậy năng lượng của tâm thức là cái chi ?”. Đến đây, họ tiến tới **mức độ lượng tử** của ý-thức-trường (champ de conscience). Một số nhà khoa học đã đưa ra những lý thuyết

lượng tử về bản thể của tâm thức, như giáo sư Karl Pribram (đại học Stanford, Hoa kỳ), nhà vật lý học Roger Penrose, nhà sinh học Stuart Hamroff, nhà vật lý học Philippe Guillemant (CNRS, Pháp), giáo sư sinh-vật-lý Raphaël Cannenpasse-Riffard. Mỗi vị đưa ra một giả thuyết, tựu trung là ở trong môi trường tinh thần (không phải là sắc pháp) thì hạt trở thành sóng và năng lượng vẫn được bảo tồn. GS John C.Eccles, giải Nobel y khoa, đã viết: “chúng ta phải chấp nhận là sự tập trung tư tưởng đưa tới một ý định hay một tư tưởng, có thể gây ra những hiện tượng thần kinh nơ-rôn qua trung gian một tiến trình tương tự như những gì xảy ra trong “trường xác-xuất” (champs de probabilité) của cơ học lượng tử. (Évolution du cerveau et création de la conscience/ nxb Fayard)

Vì sao người ta tin sự Tái sinh là có thật?

Không phải sự tái sinh chỉ xảy ra trong vùng chịu ảnh hưởng của Phật giáo và Ấn Độ giáo, mà nó xảy ra ở khắp nơi trên thế giới. Ở Úc châu các nhà nhân chủng học Walter Baldwin Spencer và Francis Gillen ghi nhận: “trong tất cả các bộ lạc, không có ngoại lệ, người ta tin rằng ông bà tái sinh trở lại”. Ở Phi châu, GS Parrinder nghiên cứu so sánh các tôn giáo nói rằng “trong 40 năm trở lại đây, đức tin về sự tái sinh càng ghi đậm trong lòng các bộ lạc”. Ở Bắc và Nam châu Mỹ (dân Tlingits ở Alaska, người Aztecs, Mayas, Incas) GS Daniel Brinton, nhà khảo cổ và dân tộc học cho rằng: “có người nghĩ rằng người da đỏ chắc không thể nào biết về sự tái sinh, nhưng thật ra ý niệm tái sinh là niềm tin chắc chắn của họ”.

Nhiều nhân vật nổi tiếng trên thế giới tin ở tiền kiếp và sự tái sinh như Pythagore, Platon, Plotin, Origène, Kant, Fichte, Schopenhauer, Jung C.G...Ông Pythagore nhớ lại tường tận cái thuẫn (bouclier), trong một đền thờ Hy Lạp, là vật mà ông đã dùng trong tiền kiếp lúc vây hãm thành Troie...

Phật giáo và Ấn Độ giáo coi sự tái sinh là sự thật hiển nhiên như trái đất quay quanh mặt trời. Như đã nói ở phần trên, Đức Phật là người đã biết rõ, thấy rõ sự tái sinh do đã chứng đắc Tứ Mạng Minh và Thiên Nhân Minh trong đêm ngài thành đạo Chánh Đẳng Giác. Trong Tam-Tạng ngài đã giảng rõ sự tái sinh qua nhiều bài kinh:

*-Đại Kinh Saccaka (Trung bộ I, số 36)

*-Kinh Pháp cú, câu 153: “Xuyên qua nhiều kiếp sống, Như Lai thên thàng đi, đi mãi để tìm người thợ cắt cái nhà này; khô não thay triền miên sanh tử, tử sanh”

*-Kinh chuyển Pháp Luân (Dhammacakka Sutta): “Chính Ái Dục

dẫn dắt chúng sanh đi tái sanh"... “Đây là kiếp sống cuối cùng của Như Lai. Từ đây Như Lai không còn tái sanh nữa”

*-Túc sanh truyện (Jataka) là một bộ truyện có giá trị luân lý quan trọng ghi lại các tiền kiếp của Đức Phật.

*-Kinh Anàtapindikavada Sutta có ghi truyện nhà trưởng giả Cấp Cô Độc, sau khi chết liền tái sanh vào cảnh trời, có về viếng thăm Đức Phật đêm hôm sau...

Trong Tam Tạng, còn rất nhiều câu chuyện Đức Phật đã xác nhận sự Tái Sanh là một sự thật không thể chối cãi được. Đức Phật dạy chúng ta đừng nói láo, chẳng lẽ Đức Phật lại nói láo với chúng ta? Nếu chúng ta không tin Phật thì theo Đạo Phật làm gì? Hay là tại ta ngã-mạn, nghe theo bọn duy vật vô thần, bọn vi-khoa-học (scientiste).

Đạo Islam và Đạo Thiên Chúa hiện nay không tin sự Tái sinh. Do-Thái giáo chấp nhận thuyết Tâm thần Chuyển-di (métempsychose) cho rằng linh hồn người chết trở lại nhiều lần ở trần thế. Vào thời chúa Jésus-Christ người ta tin nơi thuyết này như trong Saint Jean 9 hay trong những trả lời của chúa Jésus với các tông-đồ (saint Matthieu 16 và saint Luc 9). Thánh Augustin và đệ tử là Origène bênh vực triệt để thuyết này và đi đâu ông cũng giảng truyền sự tái sinh. Truyền thống bí truyền (kabbale) Thiên Chúa giáo cũng chấp nhận thuyết này, nhưng giữ kín trong một nhóm giới hạn, như những kiến thức huyền bí của nhóm. Cho đến *Hội nghị Công giáo Toàn cầu Constantinople năm 553*, Thiên Chúa Giáo cấm nói tới sự chuyển di linh hồn. Mặc dầu bị cấm đoán, nhưng thống kê năm 1994 (l'actualité religieuse dans le monde 1994, page 13) cho biết:

-34% người Pháp thực hành đạo Chúa, nhưng vẫn tin nơi sự tái sanh, trong khi 24% số người tổng quát tin thôi.

-32% người Ba-Lan, rất sùng đạo chúa, tin nơi sự tái sanh.

-9% người Tiệp tin thôi vì họ bị ảnh hưởng rất mạnh bởi chủ nghĩa Duy Vật Vô Thần.

Giáo sư tâm-lý-học **Ian Stevenson** (1918-2007) thuộc đại học Virginie Mỹ, đã bỏ cả cuộc đời để nghiên cứu về hiện tượng này, đoạt giải thưởng William James năm 1960 của Hội Nghiên cứu Tâm lý học Hoa Kỳ, *đã đúc kết hơn 2700 trường hợp tái sanh ở khắp nơi trên thế giới* và viết hàng chục cuốn sách về tái sanh. Vài cuốn đã được dịch ra tiếng Pháp: 20 cas suggérant le phénomène de réincarnation, 1985, Sand/ Les enfants qui se souviennent de leurs vies antérieures, 1994, Sand/ Réincarnation et Biologie, 2002, Dervy.

Phương pháp nghiên cứu của ông rất khoa học và ngày càng chính xác hơn. Lúc đầu có tính cách như một cuộc điều tra của cảnh sát. Nơi nào có một trẻ em thuật lại về tiền kiếp của mình, ông đến tận nơi hoặc gọi 2 phái đoàn điều tra làm việc độc lập nhau: một đến nơi em bé hiện sinh sống. Phái đoàn kia được gọi đến nơi mà em bé nói là đã sống trong tiền kiếp. Họ thu thập tất cả dữ kiện về lý lịch, hoàn cảnh sống, lời khai của các thân nhân, những hiện vật mà em bé đã mô tả...Sau đó hai phái đoàn họp nhau lại để đối chiếu các dữ kiện. Họ thấy là lời nói của em bé rất đúng với sự thật của cuộc sống trong tiền kiếp của em.(90% đúng)

Về sau ông tiến gần tới sự thật hơn: phái đoàn thứ hai vào hẳn bệnh viện nghiên cứu trên các hồ sơ bệnh lý, xét nghiệm tử thi của người đã chết ở kiếp trước, đã được chăm sóc hay giải phẫu ra sao, và hiện nay vẫn còn dấu tích những vết sẹo trên thân thể của kẻ được tái sinh, tương quan như thế nào với những vết thương của người ở tiền kiếp. Ông đã nhấn mạnh nhiều lần là những nghiên cứu của ông đã giúp đưa ra ánh sáng những dữ kiện minh chứng sự Tái sinh. Khi có người hỏi ông có tin sự tái sinh không? Ông trả lời «điều tôi tin là tất cả những trường hợp mà chúng ta biết đến hiện nay về sự Tái sinh, đối với tôi, là sự diễn-giải thích đáng nhất được tìm thấy. Có nhiều sự kiện đáng kể được ghi nhận và ngày càng trở nên vững chắc hơn. Những kẻ duy lý, nếu họ muốn, có thể tin sự tái sinh dựa trên những dữ kiện có thật thôi».

Sau đây là một câu chuyện khá thuyết phục của GS Ian Stevenson trong số hàng ngàn trường hợp nghiên cứu của ông. Một em bé Ấn Độ tên Ravi Shankhar sinh năm 1951, tại xứ Uttar Pradesh. Từ 2 tuổi em đã tỏ ra xa lạ với gia đình mình và nói mình là con trai của ông thợ hớt tóc tên Jageshwar, rồi lúc nào cũng đòi những món đồ chơi mà em có ở kiếp trước. Em kể là đã bị cắt cổ bởi một người rửa khoáng sản và một người thợ hớt tóc tên Chaturi và Jawahar. Hơn nữa em Ravi Shankhar có một vết sẹo bẩm sinh ở cổ. Chính GS Stevenson đã quan sát và mô tả kỹ càng vết sẹo này: dài 5cm và rộng khoảng từ 3 tới 6mm, màu sậm hơn vùng da chung quanh, kết cấu nổi hạt giống như sẹo của một vết cắt bằng dao. Sau người ta tìm được ở cách nhà của Ravi Sankhar chưa đầy 1 cây số, có một người thợ hớt tóc tên Jageshwar mà đứa con 6 tuổi, tên Munna, bị giết trong hoàn cảnh đúng như Ravi Shankhar đã mô tả. Hai kẻ bị nghi ngờ là sát nhân tên Chaturi, là người rửa khoáng sản và Jawahar là thợ hớt tóc; nhưng sau đó cả hai được thả vì không có bằng chứng chính xác. GS Stevenson đã ghi nhận được 26 dữ kiện viện chứng cho sự tái sinh, trong đó vết sẹo ở cổ của Ravi Shankhar là yếu tố hùng hồn nhất.

Chúng ta thử tìm hiểu cái gì được truyền từ Munna sang Shankhar:

Chắc chắn thân thể của hai em hoàn toàn khác nhau vì hai em được sinh ra trong 2 gia đình khác nhau, không cùng huyết thống. Những gì được lưu truyền là những thành phần của Tâm thức bao gồm Thọ, Tướng, Hành, Thức nghĩa là tất cả những khả năng và việc làm của Tâm như đã trình bày trong phần định nghĩa của Tâm. Nhưng chúng không được xem như linh hồn vì chúng thay đổi theo thời gian và hoàn cảnh. Theo sự nghiên cứu của GS Stevenson trên nhiều ngàn trường hợp, có những sự giống nhau giữa người chết và người mới tái sinh sau đây:

1/- Những người thông minh tái sinh vẫn thông minh; đặc biệt nơi những vị Tulkous (đại sư) Tây Tạng tái sinh, lúc trẻ những vị này thông minh sớm và rất lanh lợi. Điều này cho ta nghĩ tới những thần đồng, phải chăng họ tái sinh từ những bác học hay những nghệ sĩ tài ba trước kia.

2/- Các kiến thức và trí nhớ không suy suyển; có những khả năng đặc biệt và đa dạng được lưu truyền nguyên vẹn. Trí nhớ về kiếp quá khứ bắt đầu từ 2 tuổi tới 5-6 tuổi và lần lần quên hết.

3/- Sức mạnh thể lực và tay nghề khéo léo: điều này càng minh chứng cho sự lưu truyền qua tái sinh.

4/- Những sở thích và thị hiếu: chẳng hạn những sở thích về tôn giáo cùng những hành vi cúng bái trong chùa chiền hay những thị hiếu về rượu chè, hút sách. Cũng có thể là những thị hiếu về thẩm mỹ, thời trang, âm thực phù hợp với người đã mất, nhưng lại không thích hợp với tuổi tác của em bé mới tái sinh hay với hoàn cảnh của em.

5/- Những tình cảm dính mắc với thân nhân trong gia đình: cha mẹ, vợ chồng, con cái. Những trẻ tái sinh đòi được đến sống với gia đình cũ. Nhưng ngược lại cũng có sự thù hận khi kiếp trước đã bị hành hạ, khổ sở. Điều này nhắc nhở chúng ta cũng như các nhà cầm quyền là chỉ có sự bất bạo động và nhân ái mới có thể triệt tiêu những hận thù truyền kiếp.

6/- Khi có sự thay đổi giới-tính từ kiếp này qua kiếp sau, thì kẻ tái sinh bị bối rối trong sự xác nhận về giới-tính và hay xảy ra tình trạng đồng-tính luyến-ái. Ví dụ: cô gái Miến Điện tên Ma Tin Aung Myo, kiếp trước là một người lính Nhật Bản, chết trong thời chiếm đóng Miến Điện, kiếp này từ bé cô đã có hành vi là con trai, có sở thích, trò chơi, cách ăn mặc là đàn ông và cuối cùng trở nên Đồng-tính luyến-ái (homosexuel) (vì trong tâm cô là người đàn ông, dĩ nhiên cô bị lôi cuốn, hấp dẫn bởi phụ nữ, nhưng hình hài của cô là đàn bà). Đây cũng có thể là cách giải thích của Phật giáo về hiện tượng này?

7/- Những dấu tích bẩm sinh trên cơ thể kẻ tái sinh: có thể là một dấu

vết đậm màu trên da, một nốt ruồi lớn có trên cơ thể người chết được truyền lại cho kẻ tái sanh, mặc dù cả hai không cùng huyết thống. Hoặc là những vết đậm màu và vết sẹo trên các trẻ tái sanh là dấu vết của những thương tích làm chết người ở kiếp trước; hoặc là những vết cắt xẻo trên xác người chết để đánh dấu tìm kẻ sẽ tái sanh. Cách này thường thấy ở giống dân Tlingits Alaska, ở Miến Điện và bộ tộc Igbos ở Nigeria. Hoặc là những khuyết tật bẩm sinh do dấu ấn cảm xúc tác động trên thân thể người sắp chết.

Những sự kiện này càng chứng tỏ tái sanh là có thật.

Kết luận

Sự Tái sanh đã được Đức Phật xác nhận trong rất nhiều bài kinh, nhưng có người vẫn không tin; vì tin theo thuyết Duy Vật hay ngã mạn nghĩ rằng mình là kẻ vị-khoa-học (scientiste): “tôi phải thấy, phải sờ mó, đụng chạm được thì mới tin”, có biết đâu giác quan con người còn thua cả loài súc vật; đến khi được các nhà khoa học bỏ công ra nghiên cứu, kiểm chứng, sự Tái sanh đã trở nên một thực tại có thật, không chối cãi. Vấn đề tồn tại là chúng ta phải hiểu sự tái sanh xảy ra như thế nào? Khi chết giữa người chết và kẻ tái sanh có sự giao truyền năng lượng vật chất, năng lượng tinh thần và thông tin giữa hai hợp-thể Danh-Sắc (Tâm-Vật lý) trước và sau cái chết, những hợp-thể này được thành lập nhờ những điều kiện đúng theo **Luật Duyên-sinh, Duyên-hệ, trong đó nghiệp là điều kiện chính yếu**; Sự Tái sanh tùy thuộc vào nghiệp của mỗi chúng sanh tạo ra trong kiếp chót và các kiếp trước đó, **đồng thời cũng tùy thuộc vào trạng thái tâm lúc cận-tử đúng theo những Định- luật của Tâm thức**. Do đó thời gian cận-tử là cơ hội cuối cùng cho ta sử dụng năng lực tu tập: ta có đủ sáng suốt và định tĩnh lúc ra đi, hay ta ra đi trong sự hỗn loạn, sợ hãi, u-mê, tiếc nuối? Tất cả phải được chuẩn bị ngay từ giây phút này, theo những định luật về Nghiệp báo và Tâm thức, để đừng bị lỡ chuyến tàu cuối cùng của cuộc sống.

Sách tham khảo

- Giáo lý Phật giáo về sự Tái sanh/tg Narada Maha Thera/dg Nguyễn Trạch Thiện/thuvienhoasen.org
- Giáo lý PG về Nghiệp báo/ tg Nguyễn Tới Thiện/ nxb Tôn Giáo
- Tài liệu học tập về Vi Diệu Pháp của Nhóm Nghiên-cứu và Thực-hành Phật-Pháp Paris13.
- Bouddhisme et Re-naissances/ Didier Treutanaere/ ASIA Religion
- 100 questions sur le Bouddhisme Theravada/ Didier Treutanaere/ Soukha éditions
- De la Mort à la Vie/ Jean-Pierre Schnetzeler/ Dervy
- Les Mystères de la Conscience/ Miriam Gablier/ Le lotus & l'éléphant

- Le livre de la Réincarnation/ Joseph Head, S.L. Cranston/ Le Livre de Poche
- Enfants de la Réincarnation/ Vicki Mackenzie/ Robert Laffont
- 20 cas suggérant le phénomène de réincarnation/ Ian Stevenson/ Sand
- Les enfants qui se souviennent de leurs vies antérieures/ Ian Stevenson/ Sand
- Réincarnation et Biologie/ Ian Stevenson/ Dervy
- La physique de la conscience/ Philippe Guillemant, Josselin Morisson/ Guy Trédaniel
- Biologie, Médecine et Physique quantique/ Raphaël CANNENPASSE-RIFFARD/ Résurgence
- Évolution du cerveau et création de la conscience/ John C.Eccles/ Fayard
- Rebirth Explained (Two Essays)/ V.F. Gunaratna/ Wheel Publication N°167,168,169

(16/07/2025)

TUỆ THIÊN